

Số: /TM - KSBT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

V/v mời báo giá hiệu chuẩn, thử nghiệm máy móc, thiết bị của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu hiệu chuẩn, thử nghiệm máy móc, thiết bị của Trung tâm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược-Vật tư y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng; SĐT: 0225.3842878; email: duoc.cdchp@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng, số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Lê Chân, TP. Hải Phòng.
 - Nhận qua email: duoc.cdchp@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 11 tháng 09 năm 2025 đến trước 17h ngày 22 tháng 09 năm 2025.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 22 tháng 09 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục dịch vụ mời báo giá, mẫu báo giá (chi tiết tại phụ lục kèm theo)
- Địa điểm cung cấp dịch vụ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng

Cơ sở 1: Đông Hải Phòng - Số 84, đường Nguyễn Tất Tố, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng (mục TT: I, II, VII, VIII).

Cơ sở 2: Tây Hải Phòng - Số 18 đường Thanh Niên, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng (Mục TT: III, IV, V, VI).

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Sau khi hai bên thương thảo thống nhất thực hiện Hợp đồng.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng kính mời các đơn vị gửi báo giá hiệu chuẩn, thử nghiệm máy móc, thiết bị trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải trên HTĐTQG;
- Đăng tải lên trang Website CDC (TTGDSK);
- P. TCKT; K. XN-CĐHA-TDCN;
- Lưu: VT, DVTYT.

GIÁM ĐỐC



Đồng Trung Kiên

PHỤ LỤC: DANH MỤC HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM THIẾT BỊ

(Kèm theo thư mời báo giá số: /TTKSBT-DVTTYT ngày tháng năm 2025)

TT	Tên danh mục dịch vụ	Model	Hãng/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả dịch vụ
I	Phòng kháng định HIV					
1	Nồi hấp TOMMY 53L.02	Autoclave SS-325	Nhật Bản	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: $(121\pm 1)^{\circ}\text{C}$ Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong nồi. Thời gian hiệu chuẩn: 30 min
2	Máy ly tâm -Kubota 2800	Kubrota 2800	Nhật Bản	Chiếc	01	Hiệu chuẩn tại tốc độ 2000; 2500; 3000; 3500; 4000 vòng trong 10 - 20 phút dải nhiệt độ $4-10^{\circ}\text{C}$
3	Máy trộn Vortex	Standard mixien	Mỹ	Chiếc	01	Hiệu chuẩn tốc độ lắc; tốc độ trộn mẫu.
4	Tủ lạnh LG	GR - B362C	Indonesia	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Ngăn mát: $(5\pm 3)^{\circ}\text{C}$; Ngăn đá: $< -15^{\circ}\text{C}$ Độ đồng đều/ổn định nhiệt độ trong tủ.
5	Tủ lạnh SANYO SR-20HN	SR-20HN(MH)	Malaysia	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Ngăn mát: $(5\pm 3)^{\circ}\text{C}$; Ngăn đá: $< -15^{\circ}\text{C}$ Độ đồng đều/ổn định nhiệt độ trong tủ.
6	Tủ lạnh sâu lưu giữ mẫu LTE530	LTF530	Đan Mạch	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: -60°C Độ đồng đều ổn định nhiệt độ trong tủ.
7	Tủ lạnh âm 30 độ Sanyo đựng bệnh phẩm	MDF-U333	Nhật Bản	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn dải nhiệt độ: -20°C đến -30°C Độ đồng đều ổn định nhiệt độ trong tủ.
8	Tủ bảo quản sinh phẩm 6101 HAIER BIMEDICAL	HYC-6101	Trung Quốc	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Ngăn mát: $(5\pm 3)^{\circ}\text{C}$; Độ đồng đều/ổn định nhiệt độ trong tủ.
9	Pipetman 100-1000 μl	Eppendorf	Đức	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức 100 μl , 500 μl , 1000 μl
10	Pipetman 20-200 μl	Geenex Beta	Phân Lan	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức 20 μl , 50 μl , 100 μl , 200 μl
11	Pipetman 10-100 μl	Sartorius	Phân Lan	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức 10 μl , 50 μl , 100 μl
12	Nhiệt kế tủ lạnh Taylor 5924	Techmaster	Mỹ	Chiếc	03	Hiệu chuẩn các điểm -20°C , 2°C , 5°C , 8°C , 10°C , 20°C , 30°C , 40°C , 50°C , 60°C
13	Đồng hồ đếm ngược TANITA		Trung Quốc	Chiếc	02	Hiệu chuẩn mức thời gian 10phút, 15phút, 30 phút, 60 phút
II	Phòng Vi sinh nước thực phẩm					

TT	Tên danh mục dịch vụ	Model	Hãng/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả dịch vụ
14	Cân kỹ thuật Vibra	AJ 2200E	Shinko Denshi/ Japan	Chiếc	01	Hiệu chuẩn độ chính xác của cân trên dải cân: 5g, 9g, 25g, 50g, 90g, 100g, 225g, 500g
15	Cân chính xác Vibra	SJ 620CE	Shinko Denshi/ Japan	Chiếc	01	Hiệu chuẩn độ chính xác của cân trên dải cân: 5g, 9g, 25g, 50g, 90g, 100g, 225g, 500g
16	Tủ ấm Memmert	UM 200	Memmert / Germany	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (41±1)°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ;
17	Tủ ấm Memmert	INB 500	Memmert / Germany	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (37±1)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
18	Tủ ấm Memmert	Tv40b	Memmert / Germany	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (44±1)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
19	Tủ ấm Memmert	BE400	Memmert /Germany	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (30±1)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
20	Tủ ấm Memmert	U30	Memmert /Germany	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (35±1)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
21	Tủ ấm Labtech	LBI-150E	Daihan Labtech/ Korea	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (25±1)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
22	Tủ sấy LabTech	LDO-150F	Daihan LabTech/ Korea	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (180±5)°C Độ đồng đều, ổn định nhiệt độ trong tủ.
23	Nồi hấp tiệt trùng YUIN	YAC 80L	YUIN/ Vietnam	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (121±1)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong nồi. Thời gian hiệu chuẩn: 30 min
24	Nồi hấp ướt Sanyo	CL-32L	ALP/ Japan	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (121±1)°C (115±1)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong nồi Thời gian hiệu chuẩn: 30min
25	Tủ lạnh âm sâu Sanyo	MDF-U333	Sanyo/ Japan	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: -30°C Độ đồng đều ổn định nhiệt độ trong tủ.
26	Tủ lạnh Panasonic	NR-C432D	Panasonic / Malaysia	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Ngăn mát: (5±3)°C; Ngăn đá: <-15°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
27	Tủ lạnh National	NR - B17T1H	National/ Japan	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Ngăn mát: (5±3)°C; Ngăn đá: <-15°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
28	Tủ lạnh National	NR - B17T2H	National/ Japan	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Ngăn mát: (5±3)°C; Ngăn đá: <-15°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.

TT	Tên danh mục dịch vụ	Model	Hãng/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả dịch vụ
29	Tủ mát Sanaky	VH408W3	Sanaky/ Vietnam	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (2÷8)°C; Độ đồng đều/ổn định nhiệt độ trong tủ.
30	Tủ bảo ôn Kirsch	Essential-280	Philipp KIRSCH - xuất xứ: Đức	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 5°C; Độ đồng đều/ổn định nhiệt độ trong tủ.
31	Tủ bảo ôn C250L	MED-288	KIRSCH - xuất xứ: Đức	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 5°C; Độ đồng đều/ổn định nhiệt độ trong tủ.
32	Tủ an toàn sinh học	S@femate 1.2 Bioair	Bioair/EU	Chiếc	01	Thử nghiệm: -Tốc độ luồng khí đi vào -Tốc độ luồng khí thổi xuống bề mặt làm việc -Hiệu suất màng lọc -Tiếng ồn -Đèn UV diệt trùng Cường độ sáng chiếu xuống bề mặt làm việc
33	Máy đo pH Thermo Scientific	Orion Star A121	Thermo Scientific/ Indonesia	Chiếc	01	Điểm pH hiệu chuẩn: (4; 7; 10)pH
34	Tủ âm sâu Rowsen	CZKU-B120	Rowsen/ China	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: -75°C; Độ đồng đều/ổn định nhiệt độ trong tủ.
35	Tủ ẩm CO2	INC 108	Memmert /Germany	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn 37°C;
36	Nhiệt kế thủy tinh Möller		Möller/ Germany	Chiếc	03	Hiệu chuẩn các điểm 2°C, 5°C, 8°C, 25°C, 30°C, 35°C, 37°C, 41°C, 44°C
37	Nhiệt kế thủy tinh Brannan		Brannan/ UK	Chiếc	01	Hiệu chuẩn các điểm 25°C, 37°C, 44°C
38	Nhiệt kế thủy tinh Assistant		Assistant/ Germany	Chiếc	02	Hiệu chuẩn các điểm 10°C, 50°C, 75°C, 100°C
39	Nhiệt ẩm kế DHT-1 (Kèm 01 sensor đo nhiệt độ cắm ngoài)		Daeyoon/ Korea	Chiếc	02	Hiệu chuẩn ở các điểm: - Nhiệt độ: 10°C, 20°C, 25°C, 30°C - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%, 90%
40	Nhiệt kế điện tử 2 đầu dò Extech EA10		Extech/ Taiwan	Chiếc	02	Hiệu chuẩn các điểm: -15°C; 0°C, 5°C, 20°C 37°C, 105°C, 550°C.
III	Phòng Vi sinh gây bệnh (Tây Hải Phòng)					
41	Tủ an toàn sinh học	AC2-4S1	ESCO - Indonexia	Chiếc	01	Thử nghiệm: tốc độ dòng khí ,hiệu suất lọc HEPA, cường độ ánh sáng, độ ồn, độ rơi bề mặt làm việc và độ rò rỉ của bộ lọc HEPA

TT	Tên danh mục dịch vụ	Model	Hãng/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả dịch vụ
42	Tủ an toàn sinh học	DAB41HLP D	ITALY	Chiếc	01	Thử nghiệm: tốc độ dòng khí ,hiệu suất lọc HEPA, cường độ ánh sáng, độ ồn, độ rơi bề mặt làm việc và độ rò rỉ của bộ lọc HEPA
43	Máy Realtime RT-PCR	CFX96-1845097	Singapore	Chiếc	01	Hiệu chuẩn 3 giải nhiệt độ 95 ⁰ C, 50-65 ⁰ C, 72 ⁰ C
44	Dàn Elisa	1CXD 3897	Sanofi - USA	Dàn	01	Hiệu chuẩn bước sóng 405nm, 450nm, 620nm
45	Tủ âm	MIR 262	Nhật	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn 37 ⁰ C Độ đồng đều ổn định nhiệt độ trong tủ.
46	Kính hiển vi	3144035642	Primo Star - China	Chiếc	01	Hiệu chuẩn tại vật kính x10, x40, x100
47	Micropipet đơn kênh, đa mức Sartorius 100-1000μL	14594211	Sartorius	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức: 200μL; 500μL; 1000μL
48	Micropipet đơn kênh, đa mức Nichipet EX 10-100μL	K08Y04941	Nhật	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức: 10μL; 50μL; 100μL
IV	Phòng sinh hoá, huyết học (Tây Hải Phòng)					
49	Kính hiển vi CX21 (ATSH)	CX 21 FS1 SN OA 80870	Nhật Bản	Chiếc	01	Hiệu chuẩn vật kính: 10X, 40X, 100X
50	Máy ly tâm Labnet (ATSH)	SN 0000200700 52	MEX	Chiếc	01	Hiệu chuẩn tại tốc độ:1200,1500,2000; 2500; 3000; vòng trong 10 phút
51	Máy ly tâm EBA 20 (ATSH)	Sr 0119596	Đức	Chiếc	01	Hiệu chuẩn tại tốc độ,2000; 2500; 3000; vòng trong 5 phút
52	Tủ lạnh SANYO (ATSH)	SR 15VN(G)	Đan Mạch	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 2-8 °C Độ đồng đều ổn định nhiệt độ trong tủ.
53	Tủ âm (ATSH)	INCO2/ 108	Đức	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn dải nhiệt độ: 36°C - 37°C Độ đồng đều ổn định nhiệt độ trong tủ.
V	Phòng XN Vi sinh MTLĐ (Tây Hải Phòng)					
54	Tủ âm 30°C (ATSH)	MIR 262pk/14080 121	PANASO NIC – Nhật Bản	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (30)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
55	Tủ âm 37°C (ATSH)	MIR 262pk/14080 122	Nhật Bản	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (37)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.

TT	Tên danh mục dịch vụ	Model	Hãng/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả dịch vụ
56	Tủ sấy (ATSH)	UNB 500/C509.10 04	Memmert Đức	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (161)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
57	Tủ An toàn sinh học	La2 - 4A1 (2010- 45996)	ESCO - Indonesia	Chiếc	01	- Kiểm tra độ rò rỉ bộ lọc Hepa - Hạt bụi: lên đến 100% - Thử nghiệm tiếng ồn: (50-100) Db - Thử nghiệm tốc độ gió vào (0,1- 20m/s) - Thử nghiệm tốc độ gió xuống (0,1- 20)m/s - Thử nghiệm độ rọi ánh sáng khả kiến (50-2500) lux - Thử nghiệm cường độ bức xạ UV (40-100) $\mu\text{w}/\text{cm}^2$ - Thử nghiệm hiệu suất của hệ thống lọc: lên đến 100%
58	Nhiệt kế trong tủ lạnh (ATSH)			Chiếc	02	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Tủ mát: (2±8)°C; Tủ đá: < -15°C Độ đồng đều/ổn định nhiệt độ trong tủ.
59	Máy đo Clo dư	HI97701	Hanan- Romania	Chiếc	01	Hiệu chuẩn dải giá trị của máy (0- 10mg/l)
VI	Phòng Môi trường (Tây Hải Phòng)					
60	Tủ sấy (ATSH)	LDO-150F	KOREA	Chiếc	01	Hiệu chuẩn nhiệt độ 100°C, 150°C, 200-250°C Độ đồng đều ổn định nhiệt độ trong tủ
61	Nồi hấp tiệt trùng	ES-315	Nhật	Chiếc	01	Hiệu chuẩn nhiệt độ 105-132°C Độ đồng đều ổn định nhiệt độ trong nồi
62	Nồi hấp tiệt trùng	SS325	Tommy- Nhật	Chiếc	01	Hiệu chuẩn nhiệt độ 105-132°C Độ đồng đều ổn định nhiệt độ trong nồi
63	Máy đo độ dẫn (ATSH chuyển phía đông)	10/4270	Đức	Chiếc	01	Hiệu chuẩn thang độ dẫn (0 – 15)mS/cm
VII	Phòng Hoá nước thực phẩm					
64	Cân kỹ thuật Sartorius CPA 4202S	CPA 4202S	Sartorius/ Germany	Chiếc	01	Hiệu chuẩn độ chính xác của cân trên toàn dải cân
65	Cân phân tích Sartorius CPA 224S	CPA 224S	Sartorius/ Germany	Chiếc	02	Hiệu chuẩn độ chính xác của cân trên toàn dải cân
66	Tủ sấy Memmert UM 400	UM 400	Memmert /Germany	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn (105±2)°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.

TT	Tên danh mục dịch vụ	Model	Hãng/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả dịch vụ
67	Lò nung (cỡ trung , cỡ lớn)	LH 60/12	Naberther m/Germany	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (550±20)°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong lò.
68	Bộ phá mẫu DK8	DK8	Italia	Bộ	01	Cài đặt nhiệt độ và thời gian giữ nhiệt cho từng bước trong mỗi chương trình (415 °C)
69	Tủ lạnh Panasonic NR-B201S	NR-B201S	Panasonic / Việt Nam	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Ngăn mát: (5±3)°C; Ngăn đá: < -15°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
70	Máy đo quang phổ UV- Vis Hitachi U- 2900	Hitachi U-2900	Hitachi/ Japan	Chiếc	01	Bước sóng hiệu chuẩn: (335; 370; 450; 510; 540)nm Độ hấp thụ Abs của các bước sóng
71	Quang phổ hấp phụ nguyên tử AAS	model Zeenit 700P - AAS	Analytik Jena, Đức	Chiếc	01	Hiệu chuẩn thực hiện trên: Flame -Cu Lò graphit -Pb
72	Micropipet 2-10mL	Dragon-YE193AL03 10144	Đức	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức 2-5-10mL
73	Micropipet 100-1000µL	Hirschmann	Đức	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức 100 µl, 500 µl, 1000µl
74	Pipetman 10-100µl	Hirschmann	Đức	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức 10 µl, 50 µl, 100µl
75	Micropipet 0.5-5 mL	BOECO	Đức	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức 0.5-1-2-5mL
76	Nhiệt kế đầu dò EXTECH EA10	Easy view 10	Taiwan	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức nhiệt độ -10 , 0, 5, 10, 20, 105, 200°C
77	Nhiệt ẩm kế	TH600B,	Anymetre /Hàn Quốc	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức nhiệt độ 10,20,25,30°C Hiệu chuẩn mức độ ẩm: 40,50,60,70,80,90 %RH
VIII	Phòng Vi rút huyết thanh - PCR					
78	Tủ ATSH Esco AC2-4S1	AC2-4S1	Esco/ Singapore	Chiếc	01	Thử nghiệm - Tốc độ luồng khí đi vào - Tốc độ luồng khí thổi xuống bề mặt làm việc - Cường độ sáng chiếu xuống bề mặt làm việc - Độ ồn - Hiệu suất Màng lọc ULPA
79	Tủ an toàn sinh học ESCO	EQU/04/EBC-2A	Singapore	Chiếc	01	Thử nghiệm: - Tốc độ luồng khí đi vào - Tốc độ luồng khí thổi xuống bề mặt làm việc - Cường độ sáng chiếu xuống bề mặt

TT	Tên danh mục dịch vụ	Model	Hãng/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả dịch vụ
						làm việc - Độ ồn -Hiệu suất Màng lọc HEPA
80	Tủ lạnh -20 YD-180B	YD-180B seri: Y09080043	Rowsen/ China	Chiếc	01	Dải đo nhiệt độ: (-15 ÷ -25)°C / Độ phân giải: 0,1/ 1°C
81	Tủ lạnh GN-U242RT	GN-U242RT	LG/Việt Nam	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Ngăn mát: (5±3)°C; Ngăn đá: < -15°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
82	Tủ lạnh đựng sinh phẩm LG 244 lít (2006)	GN-U302RVC	LG/Việt Nam	Chiếc	01	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Ngăn mát: (5±3)°C; Ngăn đá: < -15°C Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ trong tủ.
83	Máy li tâm lạnh Z216MK	Z216MK	Hermle - Đức	Chiếc	02	Dải tốc độ: (100÷15000) rpm: hiệu chuẩn tốc độ 8000 rpm, 13000rpm, 14000rpm Dải thời gian: (0:30s÷9:59h) min: 1 phút, 3 phút Dải nhiệt độ: (-10÷40)°C: 10°C
84	Máy li tâm lạnh (model5702R/Eppendorf)	model 5702R; seri: 5703YL-408232	Eppendorf - Đức	Chiếc	01	Dải tốc độ: (100÷4400) rpm/ Độ phân giải: 100 rpm Dải thời gian: (0÷99) min/ Độ phân giải: 1min; Dải nhiệt độ: (-9÷4)°C/ Độ phân giải: 1°C
85	Tủ lạnh âm sâu -30°C	DW- 40W380-serial: BE0363EONOQEL8 H0008	Haier BioMedical - Trung Quốc	Chiếc	01	Dải đo nhiệt độ: (-15 ÷ -30)°C / Độ phân giải: 0,1/ 1°C: hiệu chuẩn đạt mức nhiệt -30°C
86	Tủ lạnh âm sâu -86°C	DW-86L338J -serial: BE0H87E1T0 OQGL8 M0001	Haier BioMedical - Trung Quốc	Chiếc	01	Dải nhiệt độ: (-40÷-80) °C/ Độ phân giải: 1°C: hiệu chuẩn đạt mức nhiệt từ (-70 ÷ -80)°C
87	Tủ PCR có gió hoàn lưu qua lọc HEPA	model: LV-PCR09F	Lâm Việt	Chiếc	01	Thử nghiệm: Tốc độ gió đi xuống - Tốc độ gió vào - Cường độ sáng trên bề mặt làm việc - Độ ồn hoạt động - Hiệu suất màng lọc HEPA
88	Tủ lạnh Panasonic	NR-B201S	Panasonic/ Việt Nam	Chiếc	01	Mức điều chỉnh: - Ngăn mát: (1÷3): 2-8°C - Ngăn đá: (Normal÷Max): -15÷-20°C
89	Tủ lạnh National	NR - B17T2H	National/ Japan	Chiếc	01	Mức điều chỉnh ngăn mát: (1÷7): 2-8°C
90	Hệ thống ELISA	máy đọc đĩa iMark TM Microplate Absorbance Reader - seri: 12294; máy ủ IPS - seri: 10075905	Biorad	Hệ thống	01	- Hiệu chuẩn máy đọc ở các bước sóng: 450nm; 405nm; 490nm; 655nm - Hiệu chuẩn máy ủ 37°C± 1°C

TT	Tên danh mục dịch vụ	Model	Hãng/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả dịch vụ
91	Micropipet đa mức Pipet4u pro 50-300µL	AHN/ Germany	Germany	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức: 50µL; 100µL; 200µL
92	Micropipet đơn kênh, đa mức Omni Pette 100-1000µL	Cleaver Scientific/ UK	UK	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức: 1000µL; 140µL
93	Micropipet đơn kênh, đa mức Biorad 20- 200µL		Biorad	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức: 50µL; 100µL; 200µL
94	Micropipet đơn kênh, đa mức Biorad 2-20µL		Biorad	Chiếc	01	Hiệu chuẩn mức: 5µL; 10µL; 20µL

PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo thư mời báo giá số /KSBT-DVTTYT ngày tháng 09 năm 2025)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp] báo giá cung cấp dịch vụ như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm máy móc, thiết bị.

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả chi tiết phần công việc thực hiện của mỗi dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
<u>Tổng cộng:</u>						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))